

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 12/2022/HS-PT
Ngày 25 - 3 - 2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Tăng Trần Quỳnh Phương**
Các Thẩm phán: Ông **Trần Quang Khang**
Bà **Châu Minh Nguyệt**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Mỹ Linh**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông **Quan Tuấn Nghĩa**-Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 110/2021/TLPT-HS ngày 29 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo Huỳnh Thanh T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 40/2021/HS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị cáo có kháng cáo: **HUỲNH THANH T**, sinh năm 1979, tại Bạc Liêu. Nơi cư trú: Khóm A, Phường B, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Tấn T1, sinh năm 1956 và bà Lê Thị Th (chết); vợ là Lữ Thị Ng, sinh năm 1989 và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 22/3/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xử phạt xử phạt 04 tháng 22 ngày tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo bản án số 12/2021/HSST, đã chấp hành xong hình phạt. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/11/2021 đến nay (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Đức Phương, sinh năm 1975-là Luật sư của Công ty luật trách nhiệm hữu hạn Hợp Việt, Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

- Bị hại: Ủy ban nhân dân thị trấn Gành Hào, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Trụ sở: Ấp 3, thị trấn Gành Hào, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện: Ông Bùi Chí Nguyên (vắng mặt).

Ngoài ra còn có 13 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ủy ban nhân dân thị trấn Gành Hào là đơn vị hành chính trực thuộc sự quản lý của Ủy ban nhân dân huyện Đông Hải. Về tài chính ngân sách hàng năm đơn vị được Ủy ban nhân dân huyện giao dự toán thu, chi ngân sách và chịu trách nhiệm thanh, quyết toán tài chính theo quy định với Kho bạc nhà nước huyện.

Ngày 16/02/2009, Ủy ban nhân dân huyện Đông Hải có quyết định số 253/QĐ-UBND điều động phân công ông Huỳnh Văn T2 về làm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Gành Hào, sau đó được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Gành Hào. Đến ngày 02/7/2012, Ủy ban nhân dân huyện Đông Hải có quyết định số 2028/QĐ-UBND điều động ông Huỳnh Văn T2 về làm cán bộ Phòng dân tộc huyện Đông Hải.

Trên cương vị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Gành Hào - chủ tài khoản, ông T2 là người chịu trách nhiệm quản lý, điều hành thu, chi và tài chính của một cấp ngân sách, có trách nhiệm tổ chức và chỉ đạo thực hiện công tác kế toán của đơn vị theo quy định của pháp luật, đảm bảo các khoản chi theo đúng chế độ, tiêu chuẩn quy định; các chứng từ kế toán thanh toán phải đảm bảo tính chính xác, trung thực khi ký duyệt. Chịu trách nhiệm về hậu quả do những sai phạm trong thu, chi tài chính, thanh quyết toán xảy ra trong đơn vị.

Trong thời gian làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Gành Hào, đồng thời là chủ tài khoản, từ năm 2009 đến năm 2011 mặc dù đã biết nhiều khoản chi không có trong chế độ, tiêu chuẩn quy định, nhưng ông Huỳnh Văn T2 vẫn chỉ đạo cho cán bộ cấp dưới lập chứng từ chi sai, thanh toán không chiếm đoạt tiền ngân sách; thanh toán những khoản đã chi không có trong chế độ quy định; để cấp dưới giả mạo chữ ký, kê khống số tiền để chiếm đoạt phần chênh lệch trong hợp đồng quét chợ đêm nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của ngân sách Nhà nước sử dụng vào các mục đích, lợi ích cá nhân không đúng quy định và làm thất thoát tiền ngân sách.

Đối với bị cáo Huỳnh Thanh T, được tuyển dụng và bổ nhiệm vào làm tại Ủy ban nhân dân thị trấn Gành Hào phụ trách kế toán từ tháng 12/2002, đến ngày 30/5/2011 thì chuyển công tác. Với nhiệm vụ là kế toán tài chính, bị cáo có trách nhiệm kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi tài chính, tham mưu cho lãnh đạo trong quản lý, sử dụng ngân sách để kịp thời phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán. Tuy nhiên, bị cáo T lại giúp sức tích cực cho ông T2 chiếm đoạt tiền ngân sách bằng việc lập chứng từ khống để thanh toán, kê khống số tiền chi trả để hưởng chênh lệch sử dụng cho các lợi ích cá nhân, cụ thể như sau:

1. Vai trò giúp sức lập chứng từ khống, giả chữ ký của bà Trần Thị Diệp, là người được Ủy ban nhân dân thị trấn Gành Hào thuê quét chợ đêm, kê khống số tiền thanh toán, tạo điều kiện cho ông T2 chiếm đoạt số tiền chênh lệch từ tháng 01/2010 đến tháng 3/2011 là 10.500.000 đồng được thể hiện tại:

- + Phiếu chi số 16/09, ngày 15/09/2010 số tiền 2.100.000 đồng;
- + Phiếu chi số 04/12 ngày 15/12/2010 số tiền 2.100.000 đồng;
- + Phiếu chi số 61/06 ngày 23/06/2010 số tiền 2.100.000 đồng;
- + Phiếu chi số 17/06 ngày 21/06/2010 số tiền: 2.100.000 đồng;
- + Phiếu chi số 01/03 ngày 21/03/2011 số tiền 2.100.000 đồng.

2. *Vai trò giúp sức hợp thức hóa thanh toán đối với 08 chứng từ mua nhiên liệu công tác tạo điều kiện cho ông T2 chiếm đoạt số tiền: 24.105.000 đồng được thể hiện tại:*

- + Phiếu chi số 75/02 ngày 28/02/2010 số tiền 3.000.000 đồng;
- + Phiếu chi số 28/06 ngày 21/06/2010 số tiền 3.000.000 đồng;
- + Phiếu chi số 37/05 ngày 26/05/2009 số tiền: 2.475.000 đồng;
- + Phiếu chi số 24/02 ngày 15/02/2011 số tiền: 6.000.000 đồng;
- + Phiếu chi số 52/02 ngày 24/02/2011 số tiền: 2.116.000 đồng (do 1.000.000 đồng đã chi tiền mua khô tặng Hội đồng nghĩa vụ quân sự huyện Đông Hải cùng với phiếu chi số 51/05 ngày 01/6/2011 số tiền: 9.000.000 đồng);
- + Phiếu chi số 97/09 ngày 21/9/2010 số tiền: 2.014.000 đồng;
- + Phiếu chi số 86/03 ngày 17/03/2010 số tiền: 3.000.000 đồng;
- + Phiếu chi số 131/06 ngày 28/06/2009 số tiền: 2.500.000 đồng;

3. *Ngoài ra, được sự giúp sức của ông T2, bị cáo T đã lập chứng từ khống chiếm đoạt tiền của Nhà nước vào mục đích cá nhân của bị cáo, thể hiện tại :*

- + Phiếu chi số 31/08 ngày 24/8/2009 số tiền: 2.499.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 40/2021/HS-ST ngày 19/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thanh T phạm tội “Tham ô tài sản”.

Căn cứ vào điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 278 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm b, s, v khoản 1 điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/11/2021.

Cấm bị cáo Huỳnh Thanh T đảm nhiệm chức vụ kế toán trong thời gian 02 (hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào điều 584; 585; 586; 587; 589 Bộ luật dân sự. Số tiền bị cáo Huỳnh Thanh T đã nộp 4.044.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hải theo biên lai thu tiền số 004136 ngày 09/4/2019 được hoàn trả cho Ủy ban nhân dân thị trấn Gành Hào.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí

lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Huỳnh Thanh T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, khoản tiền trên bị cáo nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/11/2021, bị cáo Huỳnh Thanh T kháng cáo toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo kêu oan, không đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm. Bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo là sai nhưng bị cáo phạm tội cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng, không phải là tội tham ô tài sản. Cấp sơ thẩm không xử lý những người trực tiếp đứng tên thanh toán các chứng từ là không công bằng đối với bị cáo. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ số tiền của các phiếu chi đưa cho ông T2 là bao nhiêu? Ông T2 có phạm tội tham ô hay không? Và số tiền 2.499.000 đồng xét xử bị cáo thì bị cáo thanh toán 02 lần chứ không phải 01 lần, việc thanh toán trong 01 phiếu chi ngày 24/8/2009 chỉ để hợp thức hoá chứng từ. Do đó, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội, bị cáo xác định không tham ô số tiền 2.499.000 đồng và không đồng phạm giúp sức cho Huỳnh Văn T2 chiếm đoạt số tiền 34.605.000 đồng, cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo phạm tội “Tham ô tài sản” là oan cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án hình sự số 40/2021/HS-ST ngày 19/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu để điều tra, xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bị cáo còn trong thời hạn luật định nên cấp phúc thẩm chấp nhận và đưa ra xét xử là hợp lệ.

- Về nội dung: Sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, nội dung kháng cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự số 40/2021/HS-ST ngày 19/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày:

1. Vụ án của bị cáo T có dấu hiệu oan sai bởi các lý do sau:

Thay đổi tội danh nhưng việc truy tố vẫn căn cứ theo chứng cứ tài liệu của tội danh cũ, không xác định làm rõ được các dấu hiệu cấu thành của tội “Tham ô tài sản” mới.

Truy tố bị cáo T phạm tội nhiều lần nhưng không xác định được bao nhiêu lần, chưa xác định rõ diễn biến hành vi trong từng lần phạm tội

Chưa xác định được dấu hiệu về hành vi “đồng phạm” của bị cáo T trong vụ án.

2. Truy tố, xét xử đối với hành vi vi phạm khi đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Việc điều tra, truy tố, xét xử có sự không bình đẳng, công bằng đối với bị cáo T.

Bị cáo T không được xem xét thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Trong khi đó, những người khác trong vụ án đều được Cơ quan tố tụng xem xét và vận dụng, lí luận một cách đầy đủ để xem xét thời hiệu.

Trong cùng 01 phiếu chi cụ thể, bị cáo T thì bị xem xét trách nhiệm hình sự, trong khi người khác cùng thực hiện lại hoàn toàn không bị xem xét, không đề cập đến.

Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không giải quyết, không trả lời đề nghị của Luật sư, không đưa ra nhận định bác bỏ quan điểm của luật sư.

Trên cơ sở những luận cứ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử huỷ Bản án hình sự số 40/2021/HS-ST ngày 19/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu đề điều tra, xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị cáo đúng về thể thức và thời hạn nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Bị hại là Ủy ban nhân dân thị trấn Gành Hào có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của bị hại không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị hại.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Huỳnh Thanh T thừa nhận chữ ký tại các phiếu chi tiền mà án sơ thẩm đã xét xử đúng là của bị cáo, bị cáo có biết, có xin hoá đơn xăng thanh toán, có trực tiếp lập chứng từ thanh toán và với vai trò là kế toán bị cáo đã ký thanh toán vào các phiếu chi cụ thể như sau:

- + Phiếu chi số 16/09, ngày 15/09/2010 số tiền 2.100.000 đồng;
- + Phiếu chi số 04/12 ngày 15/12/2010 số tiền 2.100.000 đồng;
- + Phiếu chi số 61/06 ngày 23/06/2010 số tiền 2.100.000 đồng;
- + Phiếu chi số 17/06 ngày 21/06/2010 số tiền: 2.100.000 đồng;
- + Phiếu chi số 01/03 ngày 21/03/2011 số tiền 2.100.000 đồng.
- + Phiếu chi số 75/02 ngày 28/02/2010 số tiền 3.000.000 đồng;
- + Phiếu chi số 28/06 ngày 21/06/2010 số tiền 3.000.000 đồng;
- + Phiếu chi số 37/05 ngày 26/05/2009 số tiền: 2.475.000 đồng;
- + Phiếu chi số 24/02 ngày 15/02/2011 số tiền: 6.000.000 đồng;

+ Phiếu chi số 52/02 ngày 24/02/2011 số tiền: 2.116.000 đồng (do 1.000.000 đồng đã chi tiền mua khô tặng Hội đồng nghĩa vụ quân sự huyện Đông Hải cùng với phiếu chi số 51/05 ngày 01/6/2011 số tiền: 9.000.000 đồng);

+ Phiếu chi số 97/09 ngày 21/9/2010 số tiền: 2.014.000 đồng;

+ Phiếu chi số 86/03 ngày 17/03/2010 số tiền: 3.000.000 đồng;

+ Phiếu chi số 131/06 ngày 28/06/2009 số tiền: 2.500.000 đồng;

Ngoài ra, bị cáo xác định đã thanh toán số tiền 2.499.000 đồng tại phiếu chi số 31/08 ngày 24/8/2009 với hình thức thanh toán công tác phí nhưng thực tế là để thanh toán tiền học anh văn, vì tính của bị cáo.

[2.2] Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Huỳnh Thanh T, Hội đồng xét xử thấy:

[2.2.1] Xét về tội danh và hình phạt:

Bị cáo Huỳnh Thanh T với vai trò là kế toán, biết rõ các khoản chi của ông Huỳnh Văn T2 không có trong chế độ quy định, đáng lẽ bị cáo phải từ chối không ký duyệt thanh toán những chứng từ chi sai hoặc báo cáo với Chủ tịch Hội đồng nhân dân thị trấn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự chỉ đạo trái pháp luật của ông T2 theo quy định tại Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã. Tuy nhiên, bị cáo lại giúp sức tích cực cho ông T2 bằng cách kê khống số tiền chi trả để hưởng chênh lệch, xin hóa đơn mua xăng công tác cho bị cáo và cho những cán bộ khác của Ủy ban nhân dân thị trấn Gành Hào để lập chứng từ thanh toán khống chiếm đoạt tiền từ ngân sách Nhà nước sử dụng cho các lợi ích cá nhân của ông T2. Bản thân bị cáo cũng thừa nhận chữ ký tại các chứng từ chi nêu trên là của bị cáo, bị cáo biết các khoản chi đó không xảy ra trên thực tế và nếu bị cáo không ký thì các chứng từ khống không thể thanh toán được nhưng bị cáo vẫn ký thanh toán các chứng từ để giúp sức cho ông T2 chiếm đoạt tiền từ ngân sách Nhà nước. Vì vậy, bị cáo Tuấn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi giúp sức của mình, cụ thể như sau:

** Vai trò giúp sức lập chứng từ khống, giả chữ ký của bà Trần Thị Diệp, là người được Ủy ban nhân dân thị trấn Gành Hào thuê quét chợ đêm, kê khống số tiền thanh toán, tạo điều kiện cho ông T2 chiếm đoạt số tiền chênh lệch từ tháng 01/2010 đến tháng 3/2011 là 10.500.000 đồng được thể hiện tại:*

+ Phiếu chi số 16/09, ngày 15/09/2010 số tiền 2.100.000 đồng;

+ Phiếu chi số 04/12 ngày 15/12/2010 số tiền 2.100.000 đồng;

+ Phiếu chi số 61/06 ngày 23/06/2010 số tiền 2.100.000 đồng;

+ Phiếu chi số 17/06 ngày 21/06/2010 số tiền: 2.100.000 đồng;

+ Phiếu chi số 01/03 ngày 21/03/2011 số tiền 2.100.000 đồng.

** Vai trò giúp sức hợp thức hóa thanh toán đối với 08 chứng từ mua nhiên liệu công tác tạo điều kiện cho ông T2 chiếm đoạt số tiền: 24.105.000 đồng được thể hiện tại:*

- + Phiếu chi số 75/02 ngày 28/02/2010 số tiền 3.000.000 đồng;
- + Phiếu chi số 28/06 ngày 21/06/2010 số tiền 3.000.000 đồng;
- + Phiếu chi số 37/05 ngày 26/05/2009 số tiền: 2.475.000 đồng;
- + Phiếu chi số 24/02 ngày 15/02/2011 số tiền: 6.000.000 đồng;
- + Phiếu chi số 52/02 ngày 24/02/2011 số tiền: 2.116.000 đồng (do 1.000.000 đồng đã chi tiền mua khô tặng Hội đồng nghĩa vụ quân sự huyện Đông Hải cùng với phiếu chi số 51/05 ngày 01/6/2011 số tiền: 9.000.000 đồng);
- + Phiếu chi số 97/09 ngày 21/9/2010 số tiền: 2.014.000 đồng;
- + Phiếu chi số 86/03 ngày 17/03/2010 số tiền: 3.000.000 đồng;
- + Phiếu chi số 131/06 ngày 28/06/2009 số tiền: 2.500.000 đồng;

** Ngoài ra, được sự giúp sức của ông T2, bị cáo T đã lập chứng từ không chiếm đoạt tiền của Nhà nước vào mục đích cá nhân của bị cáo, được thể hiện tại:*

- + Phiếu chi số 31/08 ngày 24/8/2009 số tiền: 2.499.000 đồng.

Do đó, bị cáo Huỳnh Thanh T phải chịu trách nhiệm với vai trò là người giúp sức cho ông T2 với tổng số tiền 34.605.000 đồng, chịu trách nhiệm với vai trò là người thực hành với số tiền 2.499.000 đồng. Tổng số tiền mà bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là 37.104.000 đồng. Án sơ thẩm xét xử bị cáo Huỳnh Thanh T phạm tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 278 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật, không xét xử oan sai cho bị cáo.

[2.2.2] Về trách nhiệm dân sự:

Số tiền bị cáo Huỳnh Thanh T đã nộp 4.044.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hải theo biên lai thu tiền số 004136 ngày 09/4/2019 được hoàn trả cho Ủy ban nhân dân thị trấn Gành Hào là phù hợp.

Ủy ban nhân dân thị trấn Gành Hào không yêu cầu xem xét giải quyết phần trách nhiệm dân sự còn lại nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là phù hợp.

[2.2.3] Về án phí sơ thẩm: Do bị cáo bị kết án nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng, như bản án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá toàn diện các tài liệu chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu; không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Tuấn.

[3] Về án phí: Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thanh T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 40/2021/HS-ST ngày 19/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

2. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thanh T phạm tội “Tham ô tài sản”.

3. Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 278 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm b, s, v khoản 1 điều 51, Điều 17, Điều 38, khoản 1 Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

4. Xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh T 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày 16/11/2021.

5. Cấm bị cáo Huỳnh Thanh T đảm nhiệm chức vụ kế toán trong thời gian 02 (hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

6. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào điều 584; 585; 586; 587; 589 Bộ luật Dân sự. Số tiền bị cáo Huỳnh Thanh T đã nộp 4.044.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hải theo biên lai thu tiền số 004136 ngày 09/4/2019 được hoàn trả cho Ủy ban nhân dân thị trấn Gành Hào.

7. Về án phí: Căn cứ các điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Huỳnh Thanh T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- VKSND H. Đông Hải (01 bản);
- TAND H. Đông Hải (02 bản);
- CQĐT H. Đông Hải (01 bản);
- Chi cục THADS H. Đông Hải (01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu (1 bản);
- Bị cáo (01 bản);
- Người bào chữa (01 bản);
- Lưu: HS, THS, THCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tăng Trần Quỳnh Phương